

Số: 21/2021/QĐST-HNGĐ

L, ngày 02 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2021/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Phan Công T** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: 101 H, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Lê Thị Minh T** - sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1073 N, phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh T và ông Phan Công T kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường H1, quận L, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống tại 101 H, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cách sống và hiện tại vợ chồng ông T bà T1 đã sống ly

thân từ đầu năm 2020 mỗi người một nơi. Nay cả hai ông bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T xác định có 01 con chung tên là Phan Hoàng Anh T2, sinh ngày 11/01/2015. Sau khi ly hôn bà T1 sẽ trực tiếp nuôi con chung, ông T tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T xác nhận không có.

Xét thấy: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H1, quận L, TP Đà Nẵng. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc ông bà xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T xác định có 01 con chung tên Phan Hoàng Anh T2, sinh ngày 11/01/2015. Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T thống nhất giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.
 - Về tài sản chung: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về nợ chung: Bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T xác nhận không có.
2. Lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng, bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng mà bà Lê Thị Minh T1 và ông Phan Công T đã nộp theo biên lai thu số 0004966 ngày

01.02.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận L;
- CCTHADS quận L;
- UBND phường H1;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hùng